

Số: 04BS/TTLB

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 1996

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỂM CỦA THÔNG TƯ SỐ 04/TTLB NGÀY 12 THÁNG 2 NĂM 1996

HƯỚNG DẪN VIỆC NHẬP KHẨU HOẶC MUA TẠI VIỆT NAM, TÁI XUẤT KHẨU VÀ CHUYỂN NHƯỢNG NHỮNG VẬT DỤNG CẦN THIẾT PHỤC VỤ CHO NHU CẦU CÔNG TÁC VÀ SINH HOẠT CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ TẠI VIỆT NAM.

- Thực hiện Chỉ thị của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải tại công văn số 3868/HTQT ngày 12 tháng 8 năm 1996,
- Căn cứ vào Tiết 3 Điểm 1 Phần II và Điểm 2 Phần IV của Thông tư 04/TTLB ngày 12 tháng 2 năm 1996,
- Liên Bộ Thương mại – Ngoại giao – Tài chính – Tổng cục Hải quan thống nhất bổ sung và sửa đổi một số điểm tại Thông tư 04/TTLB ngày 12 tháng 2 năm 1996 như sau:

1. Điểm 3 Phần I được sửa lại như sau:

3. “Những nhân viên hành chính kỹ thuật mang hộ chiếu công vụ, những viên chức của các Tổ chức quốc tế mang giấy thông hành của Liên hợp quốc hoặc hộ chiếu phổ thông được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh thư công vụ thuộc các cơ quan nói ở Điểm 1 Phần I và thành viên gia đình họ không phải là công dân Việt Nam và cùng sống chung với họ thành một hộ”.

- 2. Điểm 1 Phần II được bổ sung thêm điểm 1.1 như sau:

1.1.- “Khi có nhu cầu, các đối tượng nói tại Phần I có thể xin nhập thêm một số vật dụng nêu trong phụ lục số 1 và phụ lục số 2. Nếu nhu cầu đó là hợp lý thì Bộ Ngoại giao và Tổng cục Hải quan sẽ xem xét cấp giấy phép nhập khẩu miễn thuế”.

- 3. Điểm 5 Phần II được sửa đổi, bổ sung như sau:

5.- “Những đối tượng nói ở điểm 3 Phần I trong thời hạn 6 (sáu) tháng kể từ khi mới đến nhận công tác tại Việt Nam (tính từ ngày nhập cảnh lần đầu) nếu nhập khẩu hoặc mua tại Việt Nam các vật dụng qui định tại phụ lục số 2 đính kèm Thông tư này thì được miễn thuế nhập khẩu, thuế và lệ phí có liên quan khác, trừ phí lưu kho, cước vận chuyển và cước phí về những dịch vụ tương tự theo qui định hiện hành của Việt Nam. Riêng vật dụng là xe ô tô hoặc xe gắn máy thì thời gian công tác tại Việt Nam của những đối tượng này tối thiểu là 12 (mười hai) tháng mới được miễn thuế nhập khẩu”.

- 4. Điểm 6 và Điểm 7 Phần II được đánh số thành điểm 7 và điểm 8 và Phần II được bổ sung thêm điểm 6 như sau:

6. “Thay vì nhập xe mới, những đối tượng nói ở Phần I được nhập miễn thuế ô tô đã qua sử dụng dưới dạng tài sản di chuyển theo đúng tiêu chuẩn định lượng qui định tại phụ lục 1 và 2 kèm theo Thông tư 04/TTLB và với các điều kiện sau:

- a) Có giấy xác nhận về việc di chuyển tài sản hoặc thuyền chuyển nơi công tác từ nước khác đến Việt Nam,
- b) Có đầy đủ giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu của cơ quan hoặc của bản thân mình đối với ô tô,
- c) Có giấy của cơ quan kiểm định có thẩm quyền của nước có xe xuất đi hoặc của Việt Nam xác nhận giá trị sử dụng thực tế của ô tô còn từ 70% trở lên, và
- d) Tay lái nằm ở bên trái xe”.

- 5. Hủy bỏ điểm 1.1.1 và 1.1.2 Phần III, Điểm 1 Phần III được sửa đổi, bổ sung như sau:

1.1. “Các đối tượng nói ở Phần I có nhu cầu tái xuất những vật dụng đã nhập khẩu hoặc mua tại Việt Nam có số thứ tự từ 01 đến 07 trong các Phụ lục đính kèm Thông tư này được miễn thuế xuất khẩu, thuế và các lệ phí liên quan theo qui định hiện hành của Việt Nam.

1.2. “Sau khi tái xuất, các đối tượng nói ở Phần I được tạm nhập hoặc mua bổ sung đủ số lượng qui định trong các phụ lục nói trên. Nếu là cá nhân thì chỉ được nhập khẩu hoặc mua ô tô, xe gắn máy thay thế khi thời hạn công tác tại Việt Nam còn trên 06 (sáu) tháng đối với các

đối tượng nói ở điểm 2 Phần I và trên 12 (mười hai) tháng đối với các đối tượng nói ở Điểm 3 Phần I.”

- 6. Điểm 2.2.1 và 2.2.2 Phần III được sửa đổi, bổ sung như sau:

2.2.1. “Các đối tượng nói ở Phần I của Thông tư này, nếu chuyển nhượng cho nhau thì được miễn thuế nhập khẩu, thuế và lệ phí có liên quan khác và trừ vào tiêu chuẩn nhập khẩu miễn thuế của đối tượng được chuyển nhượng.”

2.2.2. “Mọi trường hợp chuyển nhượng khác, người chuyển nhượng phải nộp thuế nhập khẩu, thuế và lệ phí theo qui định hiện hành của Việt Nam, riêng đối với giá tính thuế thì sẽ được tính theo giá trị thực tế còn lại của xe và do cơ quan có thẩm quyền xác định.”

2.4. “Sau khi chuyển nhượng, các đối tượng nói ở Phần I được tạm nhập hoặc mua bổ sung đủ số lượng qui định trong các phụ lục nói trên. Nếu là cá nhân chỉ được nhập khẩu hoặc mua ô tô, xe gắn máy khi thời hạn công tác tại Việt Nam còn trên 06 (sáu) tháng đối với các đối tượng nói ở điểm 2 Phần I và trên 12 (mười hai) tháng đối với các đối tượng nói ở điểm 3 Phần I”.

- 7. Mục nhân viên hành chính kỹ thuật của Phụ lục 2 được sửa tại số thứ tự 01 thành 01 (một) cái và tại số thứ tự 02 thành 01 (một) cái.
- 8. Hàng năm, Bộ Ngoại giao và Tổng cục Hải quan thông kê báo cáo Chính phủ số lượng xe nhập và chuyển nhượng miễn thuế của các đối tượng nói tại Phần I Thông tư này.
- 9. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những qui định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

KT BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG

Mai Văn Dâu
(đã ký)

Nguyễn Đình Bin
(đã ký)

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Vũ Mộng Giao
(đã ký)

Bùi Duy Bảo
(đã ký)

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 3573/TCHQ-GSQL
HN. Ngày 07.11.1996

Sao y bản chính

Kính gửi: - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.
- Các vụ, cục thuộc cơ quan Tổng cục
- Trường Cao đẳng Hải quan

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỀ HẢI QUAN
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thiết